

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG LA
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21/3/2019.
V/v: Ly hôn giữa chị Oanh và
anh Hoa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG LA, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Nguyễn Đức Quyết.

2 – Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Quàng Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2018/TLST–HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị CT0, sinh năm 1989. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh LVH, sinh năm 1984. Có mặt.

Đều trú tại: Bản Nà Cường, xã Chiềng Lao, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh LVP, anh LVHi, đều trú tại: Bản Nà Cường, xã Chiềng Lao, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt;

Bà LTH, trú tại: Bản Nà Cường, xã Chiềng Lao, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có mặt;

Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày **17/5/2018** và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị CT0 trình bày:

Chị và anh LVH kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 02/4/2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Hoa, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống, hòa thuận hạnh phúc thời gian khoảng 10 năm, sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh LVH ghen tuông chị và có bạo lực gia đình. Mâu thuẫn đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải nhiều lần, nhưng không khắc phục được. Hai người sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn anh LVH.

Về con chung: Có một con là Lò Quang Huy, sinh 11/10/2007 chị xin trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chị yêu cầu anh LVH cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000, đồng và cũng tùy vào nguyện vọng của con.

Về tài sản chung có:

01 chiếc xe máy Yamaha, Sirius BKS 26H7-2951;

01 chiếc giường gỗ cũ (giường cưới);

01 bếp ga;

01 bộ âm ly;

01 máy lọc nước;

01 tủ tường mua năm 2007;

01 bộ bàn ghế cũ;

01 máy giặt;

01 con trâu cái, khoảng 80kg thịt;

01 con trâu con đực, khoảng 40kg thịt.

Tiền công chung góp sửa nhà là 38.000.000, đồng.

Chị Oanh yêu cầu được sở hữu: 01 chiếc xe máy Yamaha, Sirius BKS 26H7-2951; 01 bếp ga; 01 máy giặt; 01 chiếc giường gỗ cũ (giường cưới); 01 con trâu cái, khoảng 80kg thịt; 01 con trâu con đực, khoảng 40kg thịt bán đi chia đôi tiền. Tiền công chung góp sửa nhà là 46.000.000, đồng anh Hoa phải trả cho chị 38.000.000, đồng.

Tài sản riêng: chị Oanh có 01 chiếc xe máy, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung:

Nợ Ngân hàng đầu tư và phát triển huyện Mường La, tỉnh Sơn La số tiền gốc là 100.000.000, đồng do anh Hoa vay riêng. Chị xác nhận vay trong thời kỳ hôn nhân, do anh Hoa sử dụng, nên anh Hoa là người phải trả.

Nợ ông Lò Văn Hằng (đã chết) và bà LTH (bố mẹ chồng) số tiền 150.000.000, đồng vay trong thời kỳ hôn nhân nên là nợ chung, chị yêu cầu anh Hoa phải trả chung, theo hướng sau khi trừ đi giá trị 02 con trâu. 01 chiếc xe máy, 38.000.000, đồng triệu tiền sửa nhà thì chị còn phải trả bà LTH là 50 triệu.

Nợ anh LVP, số tiền 19.000.000, đồng. Chị cho rằng đây là khoản nợ của anh LVHi (anh trai anh Hoa) lý do nợ là anh Hoai mượn ruộng của gia đình chị để canh tác, khi đó anh Hoai thuê anh LVP san ruộng hết 19.000.000, đồng. Trong 19.000.000, đồng này anh Hoai còn san cả ruộng của anh Hoai. Sau này vợ chồng chị lấy lại ruộng, việc chuyển nợ chị không biết, nên chị không nhất trí trả khoản nợ này.

Bị đơn anh LVH trình bày: Anh xác nhận về quan hệ hôn nhân và công nhận mâu thuẫn vợ chồng như chị Oanh trình bày, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và về việc ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Có một con là Lò Quang Huy, sinh 11/10/2007 anh xin trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, tùy vào nguyện vọng của cháu, anh yêu cầu chị Oanh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000, đồng và ngược lại nếu cháu ở với chị Oanh, anh nhất trí cấp dưỡng 1.000.000, đồng.

Về tài sản chung anh xác nhận có:

01 chiếc xe máy Yamaha, Sirius BKS 26H7-2951;

01 chiếc giường gỗ cũ (giường cưới);

01 bếp ga;

01 bộ âm ly;

01 máy lọc nước;

01 tủ tường mua năm 2007;

01 bộ bàn ghế cũ;

01 máy giặt;

01 con trâu cái, khoảng 80kg thịt;

01 con trâu con đực, khoảng 40kg thịt.

Tiền công góp sửa nhà là 46.000.000, đồng. Anh nhất trí trả cho chị Oanh 23.000.000, đồng. Nhất trí cho chị Oanh 01 chiếc xe máy Yamaha, Sirius BKS 26H7-2951; 01 bếp ga; 01 máy giặt; 01 chiếc giường gỗ cũ (giường cưới). Về hai con trâu anh yêu cầu được lấy con trâu cái, cho chị Oanh con trâu đực và không tính công nuôi, chăm sóc của bà LTH.

Tài sản riêng: Anh Hoa có 02 chiếc xe máy, 01 chiếc giường đôi gỗ tạp mua năm 2017; 01 tủ lạnh, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung:

Nợ Ngân hàng đầu tư và phát triển huyện Mường La, tỉnh Sơn La số tiền gốc là 100.000.000, đồng. Anh đi vay chi tiêu chung trong gia đình, nay còn nợ tiền gốc 16.000.000, đồng. Anh yêu cầu chị Oanh cùng trả tính từ thời điểm chị CT0 còn ở chung.

Nợ ông Lò Văn Hằng (đã chết) và bà LTH (bố mẹ chồng) số tiền 150.000.000, đồng. Là tiền chị Oanh vay bố mẹ anh để đi xin việc, sau này chị Oanh viết giấy nợ với bố anh, nay bố anh đã chết thì phải trả cho mẹ anh là bà

LTH. Chị Oanh cho số nợ này là nợ chung của hai vợ chồng thì các khoản nợ Ngân hàng, nợ anh Phái cũng phải là nợ chung và được chia đôi cho hai người trả nợ.

Nợ anh LVP số tiền 19.000.000, đồng khi hai vợ chồng lấy lại ruộng, có bàn với anh Phái, anh Hoai chuyển khoản nợ này cho vợ chồng anh có trách nhiệm trả cho anh Phái, chị Oanh cho rằng không biết là không đúng.

Chị CT0 và anh LVH xác định giá trị tài sản chung như sau:

01 chiếc xe máy Yamaha, Sirius BKS 26H7-2951 mua năm 2007 là 3.000.000, đồng;

01 chiếc giường gỗ cũ (giường cưới năm 2007) không còn giá trị;

01 bếp ga là 500.000, đồng;

01 bộ âm ly hồng;

01 máy lọc nước hồng;

01 tủ tường mua năm 2007 không còn giá trị ;

01 bộ bàn ghế cũ không còn giá trị;

01 máy giặt hồng;

01 con trâu cái, khoảng 80kg thịt là 16.000.000, đồng;

01 con trâu con đực, khoảng 40kg thịt là 8.500.000, đồng.

Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngân hàng đầu tư và phát triển chi nhánh huyện Mường La trình bày: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 01/607/16121949/HĐTD ngày 02/6/2017, anh LVH là người vay của Ngân hàng số tiền gốc 100.000.000, đồng. Tính đến ngày 11/3/2019 số tiền nợ gốc là 16.000.000, đồng. Nay hai người ly hôn Ngân hàng yêu cầu anh LVH là người phải trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Bà LTH trình bày: Chị Oanh có vay của hai vợ chồng bà số tiền 150.000.000, đồng để chị xin việc, chị Oanh có viết giấy nợ với chồng bà, nay chồng bà đã chết, bà yêu cầu nếu chị Oanh không lấy 02 con trâu; 01 chiếc xe máy; 38.000.000, đồng tiền sửa nhà thì chị còn phải trả bà LTH là 50.000.000, đồng thì bà không nhất trí, bà yêu cầu nếu chị Oanh không lấy gì thì phải trả bà 100.000.000, đồng.

Anh LVP trình bày: Năm 2015 anh có san ruộng cho anh LVHi, diện tích khoảng 2000m², thời gian san 27 giờ 47 phút, mỗi giờ là 700.000, đồng. Anh Hoai nợ tiền công san ruộng là 19.000.000, đồng. Khi hai vợ chồng chị Oanh, anh Hoa lấy lại ruộng ba bên gồm anh Hoai, anh Hoa và anh nhất trí vợ chồng chị Oanh, anh Hoa là người phải trả cho anh số tiền 19.000.000, đồng. Nay hai người ly hôn anh yêu cầu anh Hoa phải trả cho anh số tiền 19.000.000, đồng.

Anh LVHi trình bày: Năm 2015 do chị Oanh và anh Hoa bỏ không ruộng có cho mượn để canh tác, thời gian là 10 năm. Anh có thuê anh Phái san ruộng, anh Hoai xác nhận nợ tiền công san ruộng là 19.000.000, đồng, sau khi san xong

anh trồng lúa được hai năm, đến năm 2017 chị Oanh và anh Hoa muốn lấy lại ruộng. Khi hai vợ chồng chị Oanh, anh Hoa lấy lại ruộng ba bên gồm anh Hoai, anh Hoa và anh Phái nhất trí vợ chồng chị Oanh, anh Hoa là người phải trả cho anh Phái số tiền 19.000.000, đồng. Anh Hoai xác nhận việc san ruộng gồm ba thửa đều là ruộng mượn của chị Oanh và anh Hoa, không có ruộng của anh.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về điều luật áp dụng: Căn cứ Điều 37; khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 60, Điều 61 các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2, 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Về nội dung: Có căn cứ để xử cho chị CT0 được ly hôn anh LVH;

Về con chung: Giao cho anh LVH là người trực tiếp nuôi cháu Lò Quang Huy, sinh 11/10/2007 là đúng nguyện vọng của cháu;

Về yêu cấp dưỡng chấp nhận thỏa thuận chị Oanh phải cấp dưỡng nuôi con chung là 500.000, đồng.

Về tài sản riêng: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung:

Chị CT0 được sở hữu: 01 chiếc xe máy Yamaha, Sirius BKS 26H7-2951; 01 chiếc giường gỗ cũ (giường cưới năm 2007); 01 bếp ga; 01 máy giặt hồng; 01 con trâu cái, khoảng 80kg thịt là 16.000.000, đồng.

Chị CT0 phải trả giá trị chênh lệch con trâu cho anh LVH là 4.000.000, đồng.

Anh LVH sở hữu: 01 bộ âm ly hồng; 01 máy lọc nước hồng; 01 tủ tường mua năm 2007 không còn giá trị; 01 bộ bàn ghế cũ không còn giá trị; 01 con trâu con đực, khoảng 40kg thịt là 8.500.000, đồng.

Về nợ chung:

Đối với khoản nợ 150.000.000, đồng chị Oanh ký vay với ông Lò Văn Hằng cần tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Anh LVH có trách nhiệm:

Trả nợ riêng cho Ngân hàng Đầu tư và phát triển chi nhánh huyện Mường La, tỉnh Sơn La số tiền gốc là 16.000.000, đồng.

Trả nợ cho anh LVP 19.000.000, đồng tiền san ruộng.

Anh LVH phải chịu án phí chia tài sản chung.

Chị CT0 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng, án phí chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng đầu tư và phát triển chi nhánh huyện Mường La; Anh LVP và LVHi đã nhận tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt đại diện Ngân hàng đầu tư và phát triển chi nhánh huyện Mường La và anh LVP, anh LVHi.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị CT0 và anh LVH có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hòa thuận hạnh phúc thời gian khoảng 10 năm, sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh LVH ghen tuông và có bạo lực gia đình. Mâu thuẫn đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải nhiều lần, nhưng không khắc phục được. Hai người sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị CT0 và anh LVH đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị CT0 yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị CT0 được ly hôn anh LVH.

[3] Về con chung: Căn cứ vào nguyện vọng của cháu cần giao cho anh LVH trực tiếp nuôi cháu Lò Quang Huy, sinh 11/10/2007. Tại phiên tòa hai đương sự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị CT0 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000, đồng/ tháng là có căn cứ theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung căn cứ Điều 59, Điều 61 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận các đương sự đã xác định giá trị tài sản như sau:

01 chiếc xe máy Yamaha, Sirius BKS 26H7-2951 mua năm 2007 là 3.000.000, đồng;

01 chiếc giường gỗ cũ (giường cưới năm 2007) không còn giá trị;

01 bếp ga là 500.000, đồng;

01 bộ âm ly hồng;

01 máy lọc nước hồng;

01 tủ tường mua năm 2007 không còn giá trị ;

01 bộ bàn ghế cũ không còn giá trị;

01 máy giặt hồng;

01 con trâu cái, khoảng 80kg thịt là 16.000.000, đồng;

01 con trâu con đực, khoảng 40kg thịt là 8.500.000, đồng.

Chia tài sản chung chị CT0 yêu cầu được chia về vật dụng và anh LVH cũng nhất trí nên cần chấp nhận yêu cầu này của hai đương sự gồm:

Chị CT0 được sở hữu: 01 chiếc xe máy Yamaha, Sirius BKS 26H7-2951 mua năm 2007 là 3.000.000, đồng; 01 chiếc giường gỗ cũ (giường cưới năm 2007) không còn giá trị; 01 bếp ga là 500.000, đồng; 01 máy giặt hồng.

Anh LVH sở hữu: 01 bộ âm ly hồng; 01 máy lọc nước hồng; 01 tủ tường mua năm 2007 không còn giá trị; 01 bộ bàn ghế cũ không còn giá trị;

Về hai con trâu, nguồn gốc do gia đình bố mẹ bên chị CT0 cho, quá trình nuôi, chăm sóc đẻ ra con trâu đực. Chị CT0 và anh LVH đều xác định việc nuôi, chăm sóc trâu chủ yếu do bà LTH. Chị CT0 yêu cầu sở hữu con trâu mẹ, còn con trâu con đực, khoảng 40kg thịt bán đi chia đôi tiền. Anh Hoa yêu cầu được lấy con trâu cái, cho chị CT0 con trâu đực. Nên cần chia như sau:

Chị CT0 được sở hữu 01 con trâu cái, khoảng 80kg thịt là 16.000.000, đồng;

Anh LVH được sở hữu 01 con trâu con đực, khoảng 40kg thịt là 8.500.000, đồng.

Chị CT0 phải trả giá trị chênh lệch con trâu cho anh LVH là 4.000.000, đồng.

Về công chăm sóc trâu của bà LTH là có thật, vì chị CT0, anh LVH đều là giáo viên nên việc nuôi, chăm sóc trâu chủ yếu do bà LTH. Nay cần tính công trả cho bà LTH là có căn cứ. Tại phiên tòa các đương sự công nhận công chăm sóc trâu của bà LTH, chị CT0 nhất trí trả tiền công chăm sóc trâu của bà LTH khoảng từ 2.000.000, đồng đến 2.500.000, đồng. Nên cần buộc anh LVH và chị CT0 phải trả tiền công chăm sóc trâu cho bà LTH mỗi người 2.500.000, đồng.

Về khoản tiền góp sửa nhà chị CT0 và anh LVH xác định là **46.000.000, đồng**. Tại phiên tòa hai anh chị xác định chị CT0 vay Ngân hàng 30.000.000, đồng, chị Oanh đã trả nợ xong. Khoản 16.000.000, đồng sửa sàn nhà do hai vợ chồng bỏ ra. Bà LTH công nhận lời khai trên của chị Oanh và anh Hoa là đúng. Tại phiên tòa bà Học, anh Hoa, chị Oanh đều xác định bà Học đã nhận khoản tiền trợ cấp sửa nhà. Do đó cần chia như sau:

30.000.000, đồng chia ba bằng 10.000.000, đồng mỗi người (chị Oanh, anh Hoa, bà Học);

16.000.000, đồng chia hai người chị Oanh, anh Hoa bằng 8000.000, đồng mỗi người.

Anh LVH phải trả cho chị CT0 tiền góp sửa nhà là 18.000.000, đồng.

Bà LTH phải trả cho chị CT0 tiền góp sửa nhà là 10.000.000, đồng.

Chị Oanh được nhận tiền sửa nhà là 28.000.000, đồng.

[5] Về nợ chung:

Việc chị CT0 được bố mẹ chồng là ông Lò Văn Hằng bà LTH cho vay số tiền 150.000.000, đồng để xin việc, anh LVH biết đã tạo điều kiện cho chị CT0;

Đối với khoản vay 100.000.000, đồng của Ngân hàng Đầu tư và phát triển chi nhánh huyện Mường La được xác định vay chi tiêu chung, người cầm tiền trực tiếp và chi tiêu là anh LVH, việc trả nợ Ngân hàng được trừ qua lương của anh LVH hàng tháng; trong đó có nhiều khoản anh LVH chi tiêu riêng và chị CT0 không biết. Nên việc đã chi tiêu riêng và trả nợ trước đó của anh LVH thì thuộc về trách nhiệm của anh LVH, hiện nay còn nợ 16.000.000, đồng;

Đối với khoản nợ tiền san ruộng 19.000.000, đồng của anh LVP, tại thời điểm năm 2017 anh LVH, chị CT0 đòi lại ruộng mà trước đó cho anh LVH mượn với thời gian 10 năm do có sự nhất trí của anh LVH, chị CT0 thì anh LVH mới thuê anh LVP san ủi cải tạo ruộng.

Như vậy cả ba khoản nợ còn lại trên đều trong thời kỳ hôn nhân, đều có liên quan đến chi tiêu, hoạt động công việc của hai vợ chồng. Nên đây là các khoản nợ chung và hai người phải có trách nhiệm trả nợ chung, theo quy định của Điều 37, Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị CT0 có trách nhiệm trả nợ cho: Bà LTH số tiền 92.500.000, đồng.

Anh LVH có trách nhiệm:

Trả nợ cho bà LTH số tiền 57.500.000, đồng;

Trả nợ cho Ngân hàng Đầu tư và phát triển chi nhánh huyện Mường La, tỉnh Sơn La số tiền gốc là 16.000.000, đồng và lãi phát sinh.

Trả nợ cho anh LVP 19.000.000, đồng tiền san ruộng.

Chị CT0 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí chia tài sản chung tương ứng với giá trị phần tài sản được chia gồm: Xe máy 3.000.000, đồng; bếp ga 500.000, đồng; con trâu 12.000.000, đồng. Cộng là 15.500.000, đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh LVH phải chịu án phí chia tài sản chung tương ứng với giá trị phần tài sản được chia gồm: Con trâu 8.500.000, đồng; tiền chênh lệch giá trị con trâu chị Oanh trả cho là 4.000.000, đồng. Cộng là 12.500.000, đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 37; khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 60, Điều 61 các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2, 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

1. Xử cho chị CT0 được ly hôn anh LVH.

2. Về con chung:

Giao cho anh LVH trực tiếp nuôi cháu Lò Quang Huy, sinh 11/10/2007. Chị CT0 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 500.000, đồng (năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 4 năm 2019 cho đến khi cháu Lò Quang Huy đủ 18 (mười tám) tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản riêng: Điều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung:

Chị CT0 được sở hữu: 01 chiếc xe máy Yamaha, Sirius BKS 26H7-2951 mua năm 2007 là 3.000.000, đồng (ba triệu đồng); 01 chiếc giường gỗ cũ (giường cưới năm 2007) không còn giá trị; 01 bếp ga là 500.000, đồng (năm trăm nghìn đồng); 01 máy giặt hồng; 01 con trâu cái, khoảng 80kg thịt là 16 triệu đồng (mười sáu triệu đồng);

Chị CT0 phải trả giá trị chênh lệch con trâu cho anh LVH là 4.000.000, đồng (bốn triệu đồng).

Anh LVH sở hữu: 01 bộ âm ly hồng; 01 máy lọc nước hồng; 01 tủ tường mua năm 2007 không còn giá trị; 01 bộ bàn ghế cũ không còn giá trị; 01 con trâu con đực, khoảng 40kg thịt là 8.500.000, đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Anh LVH phải trả cho chị CT0 tiền góp sửa nhà là 18.000.000, đồng (Mười tám triệu đồng).

Bà LTH phải trả cho chị CT0 tiền góp sửa nhà là 10.000.000, đồng (Mười triệu đồng).

5. Về nợ chung:

Chị CT0 có trách nhiệm trả nợ cho bà LTH số tiền 92.500.000, đồng (chín mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Chị CT0 có trách nhiệm trả tiền công nuôi, chăm sóc hai con trâu cho bà LTH là 2.500.000, đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Anh LVH có trách nhiệm:

Trả nợ cho bà LTH số tiền 57.500.000, đồng (năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng);

Trả nợ cho Ngân hàng Đầu tư và phát triển chi nhánh huyện Mường La, tỉnh Sơn La số tiền gốc là 16.000.000, đồng (mười sáu triệu đồng) và lãi phát sinh, theo hợp đồng tín dụng số 01/607/16121949/HĐTD ngày 02/6/2017.

Trả nợ cho anh LVP 19.000.000, đồng (mười chín triệu đồng) tiền san ruộng.

Anh LVH có trách nhiệm trả tiền công nuôi, chăm sóc hai con trâu cho bà LTH là 2.500.000, đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

6. Về án phí:

Chị CT0 phải chịu:

Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000916 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường La, tỉnh Sơn La;

Án phí cấp dưỡng là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng);

Án phí chia tài sản chung là 775.000, đồng (bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Anh LVH phải chịu án phí chia tài sản chung là 625.000, đồng (sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Nguyên đơn chị CT0, bị đơn anh LVH; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà LTH được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 21/3/2019.

Anh LVP, anh LVHi. Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Đầu tư và phát triển chi nhánh huyện Mường La, tỉnh Sơn La được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 26 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mường La (2);
- Chi cục THADS huyện Mường La;
- UBND xã Chiềng Hoa, huyện Mường La (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (6);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Tuấn

